

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày: 30-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Máy

2. Ông Trần Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Viết T** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến, điểm cầu Trung tâm tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát và điểm cầu Thành phần tại Nhà tạm giữ **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa, đối với vụ án hình sự thụ lý số 34/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Triệu Văn L, sinh năm 1984, tại: **Xã Q, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Nơi ĐKKHKT: **Bản C, xã Q, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Chèo Văn S**, sinh năm 1943 và bà **Tặng Thị L1**, sinh năm 1957. Bị cáo có vợ là **Phan Thị C**, sinh năm 1984, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011. Số căn cước công dân: 038084044664. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo **Triệu Văn L** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 29/4/2023 chuyển tạm giam từ ngày 08/5/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện M**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Hà Văn K** – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, **Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**. Có mặt.

- **Những người tham gia tố tụng hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần, gồm:**

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát: Ông Trương Văn Phú – Chức vụ: Kiểm sát viên.

+ Thư ký Tòa án: Ông **Lâu Văn C1** - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát;

+ Cảnh sát hỗ trợ tư pháp: Ông **Nguyễn Đình T1** – Chức vụ: Cán bộ Cơ quan Thi hành án hình sự - **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 20 giờ 40 phút, ngày 29/4/2023, lực lượng **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang **Triệu Văn L**, sinh năm 1984, trú tại **bản C, xã Q, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Thu trên đầu giường ngủ của **Triệu Văn L** 02 viên nén hình trụ tròn màu đỏ. **L** khai nhận đây là ma túy của **L**. Ngay sau đó, **Triệu Văn L** đã chủ động giao nộp cho Tổ công tác thêm 02 túi nilon màu xanh bên trong mỗi túi có 02 viên nén hình trụ tròn màu xanh; 01 túi nilon màu hồng bên trong có 01 viên nén hình trụ tròn màu xanh; 02 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) và thừa nhận các viên nén hình trụ tròn màu xanh mà **L** giao nộp là ma túy (hồng phiến) mua về để sử dụng và bán kiếm lời. Số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) giao nộp là do **L** bán ma túy cho một người đàn ông dân tộc Thái ở **xã M** vào ngày 29/4/2023. Tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, đưa **L** cùng toàn bộ tang vật liên quan về trụ sở **Công an xã Q, huyện M** để điều tra, làm rõ.

Về nguồn gốc số ma túy, **Triệu Văn L** khai nhận: Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2023, **Triệu Văn L** đang đi chăn bò tại khu vực rừng thuộc **bản C, xã Q, huyện M, tỉnh Thanh Hóa** thì **L** có gặp một người đàn ông dân tộc Dao (**L** không biết người này là ai, làm gì, ở đâu). Người đàn ông này hỏi **L** là “Có biết dùng ma túy không thì người này bán cho”. **Triệu Văn L** trả lời là “biết dùng ma túy”, sau đó **L** lấy trong người ra 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để mua ma túy

(Hồng phiến) với người đàn ông đó. Người này nhận tiền và đưa cho L 01 túi nilon màu hồng bên trong có chứa ma túy, L nhận túi nilon và mở ra kiểm tra bên trong có 05 viên hồng phiến màu xanh và 10 viên hồng phiến màu đỏ. Sau khi kiểm tra ma túy xong, L cất túi hồng phiến vào túi quần đang mặc trên người rồi mang về nhà cất giấu. Về đến nhà Lầu lấy ra 04 viên hồng phiến màu xanh bỏ vào hai túi nilon màu xanh khác, mỗi túi bỏ 02 viên hồng phiến màu xanh. Sau đó L cất toàn bộ số ma túy trong túi y tế đang treo trong phòng ngủ nhà Lầu, rồi L nghỉ ngơi tại nhà mình. Vào các ngày 26/4/2023 và 27/4/2023 khi L đi chăn bò trên rừng thuộc bản C, xã Q, Lầu có mang theo 06 viên hồng phiến màu đỏ trong số ma túy mua được ngày 25/4/2023 và 06 viên hồng phiến này L đã sử dụng hết bằng hình thức đốt hít trên giấy bạc. Số ma túy còn lại gồm: 02 túi nilon màu xanh bên trong mỗi túi có 02 viên hồng phiến màu xanh; 01 túi nilon màu hồng bên trong có chứa 01 viên hồng phiến màu xanh và 04 viên hồng phiến màu đỏ, L tiếp tục cất giấu số ma túy trên trong túi y tế đang treo trong nhà. Đến khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 4 năm 2023, khi L đang ở nhà một mình thì có một người đàn ông lạ mặt đến nhà Lầu, người này tự giới thiệu là người dân tộc Thái sống ở xã M. Người đàn ông này có hỏi mua ma túy với L, L đồng ý và bán cho người này 02 viên hồng phiến màu đỏ trong túi nilon màu hồng đang cất trong túi y tế với giá là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Bán ma túy cho người đàn ông xong, người này bỏ đi luôn, sau đó L lấy 02 viên hồng phiến màu đỏ còn lại trong túi nilon màu hồng cất trong túi y tế mang ra để ở đầu giường ngủ vị trí Lầu đang ngồi để chuẩn bị sử dụng thì có lực lượng Công an huyện M và Công an xã Q vào làm việc. Quá trình làm việc tổ công tác đã phát hiện 02 viên hồng phiến màu đỏ mà L đang để ở đầu giường. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, L đã tự nguyện giao nộp số ma túy hồng phiến còn lại đang để trong túi y tế và số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vừa bán ma túy giao nộp cho lực lượng Công an. Tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang đối với Triệu Văn L và tạm giữ các vật chứng liên quan.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Triệu Văn L cơ quan CSĐT Công an huyện M đã phát hiện và thu giữ thêm 01 khẩu súng, dạng súng săn và số tiền 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 1674/KL-KTHS ngày 05/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận, vật chứng thu giữ của Triệu Văn L như sau:

- 02 (Hai) viên nén hình trụ tròn màu đỏ của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang Triệu Văn L” gửi giám định là ma

tuý, có tổng khối lượng 0,181g (Không phải một tám một gam) loại: Methamphetamine.

- 05 (Năm) viên nén hình trụ tròn màu xanh của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Ma tuý thu giữ trong quá trình bắt quả tang **Triệu Văn L**” gửi giám định là ma tuý, có tổng khối lượng 0,496g (Không phải bốn chín sáu gam) loại: Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 1723/KL-KTHS ngày 10/5/2023 của Phòng KTHS **Công an tỉnh T** kết luận:

- 97 (Chín mươi bảy) tờ tiền Việt Nam nêu ở mục II. 1 (Mẫu cần giám định là tiền thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang và khám xét chỗ ở **T**) là tiền thật.

Tại bản kết luận giám định số: 1893/KL-KTHS ngày 22/5/2023 của Phòng KTHS **Công an tỉnh T** kết luận:

01 (một) khẩu súng không có số kí hiệu trong vụ trên gửi giám định là súng kíp, thuộc loại súng săn - Không phải vũ khí quân dụng.

Đối với vật chứng, đồ vật, tài sản, gồm:

- Toàn bộ mẫu vật ma tuý còn lại sau khi giám định được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do phòng KTHS **Công an tỉnh T** phát hành, mặt trước phong bì có ghi vụ “CA Mường Lát TC32 **Triệu Văn L**”. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của **Nguyễn Trần Đ**, **Vũ Văn N** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T**.

- 01 (Một) khẩu súng bằng kim loại màu đen, không có số ký hiệu, dài 119,7cm, tay cầm bằng gỗ màu đen, nòng súng bằng kim loại dài 102cm, đường kính trong miệng nòng súng 07mm, trong nòng súng không có đường rãnh xoắn, trên nòng súng tại vị trí tương ứng với búa đập khi hạ có gắn một thanh kim loại hình trụ tròn rỗng, dài 1,5cm, đường kính ngoài 5,5mm, đường kính trong 02mm, khẩu súng có hệ thống cò súng, búa đập, điểm ngắm, khe ngắm. Được đóng gói, niêm phong và dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ, tên của **Lê Thị Thùy L2**, **Vũ Văn N** cùng các hình dấu tròn đỏ có nội dung: “**Phòng K1 - Công an tỉnh T**”

- Số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) gồm 02 (Hai) tờ tiền, mỗi tờ tiền đều có mệnh giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) đã qua giám định. Được niêm phong trong 01 (một) phong bì đã được dán kín và niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của **Vũ Văn N**, **Lê Thị H** và 05 (năm) hình dấu tròn đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HOÁ”, mặt trước có ghi dòng chữ “Tiền thu giữ khi bắt quả tang **Triệu Văn L**”.

- Số tiền 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng), gồm 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng), 09 (chín) tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), 23 (hai ba) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 15 (mười lăm) tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), 34 (ba tư) tờ tiền mệnh giá 20.000đ, 08 (tám) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng) đã qua giám định. Được niêm phong trong 01 (một) phong bì đã được dán kín và niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của **Vũ Văn N**, **Lê Thị H** và 05 (năm) hình dấu tròn đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA”, mặt trước có ghi dòng chữ “Tiền thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở **T**”.

Quá trình điều tra, **Triệu Văn L** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của **L** hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKS-ML ngày 31/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát đã truy tố bị cáo **Triệu Văn L** về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Bị cáo khai, biết rõ hành vi mua bán ma túy trái phép là vi phạm pháp luật và bị **Nhà N1** nghiêm cấm nhưng do bản thân là người nghiện ma túy, không có tiền mua ma túy, không tìm chế được bản thân nên đã cố tình phạm tội để lấy tiền mua ma túy sử dụng tiếp. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Tranh luận và luận tội: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật áp dụng: Điều 38; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 251; Điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo từ **26** đến **28** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tiền bán ma túy mà có; Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) khẩu súng bằng kim loại màu đen; Trả lại cho bị cáo số tiền 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bị cáo có tội, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ TNHS mà đại diện VKS đã đề nghị đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số lại sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình là hộ nghèo, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo làm nghề trồng trọt thu nhập không ổn định, thuộc diện hộ nghèo.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

ề hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định tội của bị cáo và điều luật: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp về thời gian, địa điểm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Hồi 20 giờ 40 phút, ngày 29/4/2023, Công an huyện M vào nhà Lầu để kiểm tra hành chính thì bắt quả tang L đang tàng trữ 02 (hai) viên nén hình trụ tròn màu đỏ trên đầu giường, có tổng khối lượng 0,181g (không thấy một tám một gam) loại: Methamphetamine; đồng thời thu giữ thêm của L đang cất giấu là 05 (năm) viên nén hình trụ tròn màu xanh, có tổng khối lượng 0,496g (Không thấy bốn chín sáu gam) loại: Methamphetamine; Triệu Văn L khai nhận số ma túy này là để sử dụng và bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy bị cáo đang cất giấu để sử dụng và để bán là 0,677gam loại Methamphetamine. Ngoài ra, Triệu Văn L còn khai nhận vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 29 tháng 4 năm 2023, khi L đang ở nhà một mình thì có một người đàn ông lạ mặt đến nhà Lầu hỏi mua ma túy, L đồng ý và đã bán cho người lạ mặt này 02 viên hồng phiến màu đỏ trong túi nilon màu hồng đang cất trong túi y tế với giá là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), sau đó người đàn ông này đi đâu làm gì thì L không biết và Triệu Văn L giao nộp 100.000đ tiền bán ma túy mà có cho Tổ công tác.

Như vậy, bị cáo Triệu Văn L có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi và khối lượng ma túy thu giữ đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng là tác nhân phát sinh các tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng và bán kiếm lời, hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về quản lý chất ma túy của nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

ề nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thái độ ăn năn hối cải và khi bị bắt giữ thì bị cáo đã tự thú về hành vi bán ma túy trước đó, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt và quyết định hình phạt:

Hình phạt chính: Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được việc sử dụng ma túy, tàng trữ chất ma túy, trao đổi mua bán các chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, biết tuân thủ pháp luật đồng thời có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội. Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, rèn luyện, cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

Thấy rằng đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với hành vi phạm tội, khối lượng chất ma túy thu giữ, đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt thu nhập không ổn định, thuộc diện hộ nghèo. Nên, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng chẵn) là tiền bị cáo bán ma túy mà có;

Đối với 01 (một) khẩu súng bằng kim loại màu đen thu giữ của **Triệu Văn L**, đây không phải là vật chứng của vụ án, nhưng là vật cấm lưu hành, sử dụng khi chưa được cấp phép, nên giao cho Cơ quan Công an huyện Mường Lát xử lý theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bị cáo số tiền 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng), vì đây không phải là tiền do phạm tội mà có, là tài sản hợp pháp của bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

ề quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[9] Nhận định khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Dao đã bán ma túy cho **L** ngày 25/4/2023 và người đàn ông lạ mặt vào nhà mua ma túy của **L** ngày 29/4/2023, hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M** sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép súng kíp thuộc loại súng săn của **Triệu Văn L**. Ngày 27/7/2023, Chủ tịch **UBND huyện M** đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với **Triệu Văn L**, hình thức xử phạt: Phạt tiền; Mức phạt là 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) đối với **Triệu Văn L**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điều 50; Điểm s, r khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên, bị cáo **Triệu Văn L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Triệu Văn L 28** (Hai mươi tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (29/4/2023).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do phòng KTHS **Công an tỉnh T** phát hành, mặt trước phong bì có ghi vụ “CA Mường Lát TC32 **Triệu Văn L**”. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của **Nguyễn Trần Đ**, **Vũ Văn N** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T**;

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo, đã qua giám định, được niêm phong trong 01 (một) phong bì đã

được dán kín và niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của **Vũ Văn N, Lê Thị H** và 05 (năm) hình dấu tròn đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HOÁ”, mặt trước có ghi dòng chữ “Tiền thu giữ khi bắt quả tang **Triệu Văn L**”.

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo, đã qua giám định. Được niêm phong trong 01 (một) phong bì đã được dán kín và niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của **Vũ Văn N, Lê Thị H** và 05 (năm) hình dấu tròn đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA”, mặt trước có ghi dòng chữ “Tiền thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở **T**”.

+ Giao cho **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa xử lý theo quy định của pháp luật, đối với 01 (Một) khẩu súng bằng kim loại màu đen, không có số ký hiệu, dài 119,7cm, tay cầm bằng gỗ màu đen, nòng súng bằng kim loại dài 102cm, đường kính trong miệng nòng súng 07mm, trong nòng súng không có đường rãnh xoắn, trên nòng súng tại vị trí tương ứng với búa đập khi hạ có gắn một thanh kim loại hình trụ tròn rỗng, dài 1,5cm, đường kính ngoài 5,5mm, đường kính trong 02mm, khẩu súng có hệ thống cò súng, búa đập, điểm ngắm, khe ngắm. Được đóng gói, niêm phong và dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ, tên của **Lê Thị Thùy L2, Vũ Văn N** cùng các hình dấu tròn đỏ có nội dung: “**Phòng K1 - Công an tỉnh T**”.

Vật chứng, tài sản, đồ vật trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 41/QĐ-VKS-ML, ngày 31/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và Biên bản giao nhận vật chứng số: 62/2023/TV-CCTHADS ngày 31/7/2023 giữa **Công an huyện M** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

4. Về án phí: Căn cứ đi kèm khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T2 miễn tiền án phí HSST cho bị cáo **Triệu Văn L**.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT - Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng